

Bản án số: **316/2026/DS-ST**

Ngày 17 tháng 3 năm 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Hiển Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Đinh Thị Kim Đăng**

Ông Phạm Hoài Nam

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Thị Hồng Lê** - Thư ký
Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1114/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2026/QĐHPT-DS ngày 27 tháng 2 năm 2025; Thông báo mở phiên tòa số 352/TB-TA ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu N**; sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 33 **Q, phường C, thành phố Hà Nội**; Hiện ở tại: **số A T, phường Y, thành phố Hà Nội**. (*Có mặt tại phiên tòa*)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**; sinh năm 1988; Địa chỉ: **E T, phường H, thành phố Hà Nội**. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - ông **Nguyễn Hữu N** trình bày:*

Qua một người em của bạn thân, ông **N** biết ông **L**. Ngày 02/11/2016, ông **Nguyễn Văn L** vay của ông **N** số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn), ông **L** đã nhận đủ tiền và hẹn trong vòng 60 ngày kể từ ngày vay ông **L** sẽ hoàn trả

lại đầy đủ số tiền đã vay. Việc vay nợ được thể hiện bằng Giấy vay tiền do chính ông L là người viết và ký tên. Khi viết, ông L đã viết thời hạn vay là 60.000.00 (ngày) tuy nhiên đây là do ông L viết nhầm và ông L đã tự xóa đi năm số không. Ông N khẳng định, thời hạn ông L vay tiền của ông là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày viết giấy vay 02/11/2 b016. Việc vay nợ không tính lãi suất. Tuy nhiên từ thời điểm đó đến nay, mặc dù ông N đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông L để thanh toán số tiền đã vay nhưng ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, không trả tiền, thậm chí liên tục tránh né không gặp ông N. Hiện nay ông N không thể liên hệ được với ông L cũng như em của người bạn kia nên ông đã nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu:

1. Buộc ông L trả cho ông N số tiền 192.207.704 đồng (trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày vi phạm là 02/01/2017 đến ngày khởi kiện 24/7/2025 là 122.202.704 đồng)

Tuy giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông N yêu cầu tính lãi từ khi ông L vi phạm đến khi ông L thực hiện thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ông. Lãi được tính theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự: 20%/năm, tạm tính đến thời điểm khởi kiện (từ ngày 02/01/2017 đến ngày 24/7/2025 là 8 năm 6 tháng 23 ngày, số tiền lãi là 122.202.704 đồng)

2. Buộc ông Nguyễn Văn L tiếp tục phải chịu tiền lãi cho đến khi ông L thanh toán xong khoản nợ cho ông.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn L trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do trong các buổi làm việc do Tòa án triệu tập cũng như không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Hữu N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả cho ông toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh từ khi vi phạm tính đến ngày 17/3/2026 là 198.915.068 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi là 128.915.068 đồng (lãi suất được tính là 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự 2015).

- Yêu cầu ông L phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 18/3/2026 đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện đúng

các thủ tục tố tụng; thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đều nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề xuất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Nguyễn Văn L** phải thanh toán ông **Nguyễn Hữu N** số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Buộc ông **L** phải thanh toán cho ông **N** lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/01/2017 với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, của Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về xác định quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn - ông **Nguyễn Hữu N** có đơn khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Văn L** trả lại số tiền đã vay theo Giấy vay tiền ngày 02/11/2016 nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về xác định thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn - ông **Nguyễn Văn L** có nơi cư trú tại **số E T, phường H, thành phố Hà Nội**. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- *Về trình tự tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn - ông **Nguyễn Văn L** đã ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông **Nguyễn Hữu N**. Ông **Nguyễn Văn L** không đến tòa để tham gia phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/02/2026 ông **N** vắng mặt không có lý do. Vì vậy

Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 17/3/2026. Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa đã được giao hợp lệ cho ông L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa mở lần thứ 2 ngày 17/3/2026, ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông L đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 93, Điều 96, Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được Hội đồng xét xử xác định:

2.1. Về tính hợp pháp của Giấy vay tiền ngày 02/11/2016: Theo trình bày của nguyên đơn, giấy vay tiền này do ông Nguyễn Văn L là người trực tiếp viết và ký tên. Trong thông báo thụ lý vụ án của Tòa án được giao cho ông L cũng đã thể hiện các tài liệu mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện trong đó có Giấy vay tiền ngày 02/11/2016 (bản gốc). Ông L đã ký vào biên bản giao nhận Thông báo thụ lý này và biết được về Giấy vay tiền ngày 02/11/2016 nhưng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện việc ông L thừa nhận có Giấy vay tiền nói trên. Với việc trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền của ông L đã thể hiện ý chí là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử nhận định Giấy vay tiền trên là hợp pháp.

2.2. Về việc áp dụng pháp luật và thời hiệu khởi kiện:

- *Về việc áp dụng pháp luật:* điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật được quy định như sau:

b. Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này;”

Giấy vay tiền viết ngày 02/11/2016 nghĩa là việc vay tiền này được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ của mình nên thuộc trường hợp giao dịch dân sự đang được thực hiện, nội dung là hình thức của Giấy vay tiền trên phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện trong trường hợp này được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự

2015. Giấy vay tiền được xác định là một loại của hợp đồng vay tài sản, là một giao dịch dân sự. Do đó, thời hiệu khởi kiện được áp dụng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*”

Trong vụ án này, các bên đương sự đều không đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.3.1. Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Giấy vay tiền ngày 02/11/2016 thể hiện ông Nguyễn Văn L vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1983, CMND số 013339372 và không tính lãi. Ông L xác nhận đã nhận đủ số tiền vay từ ông N là 70.000.000 đồng.

Thời hạn trong giấy vay tiền có ghi 60.000.00 (ngày) kể từ ngày vay tiền (02/11/2016), có gạch 5 (năm) số 0 (không) đằng sau số 60 (sáu mươi). Trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - ông N giải trình: có sự gạch xóa trong thời hạn vay là do ông L viết nhầm và ông L đã tự xóa đi năm số không, ông N khẳng định thời hạn cho vay là 60 ngày kể từ ngày cho vay.

Bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đối với tình tiết này, Hội đồng xét xử căn cứ vào phần trình bày của nguyên đơn cũng như sự thật khách quan và tính hợp lý để xác định thời hạn cho vay là 60 ngày kể từ ngày cho vay như nguyên đơn trình bày và xác định việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 274, Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 70.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3.2. Về yêu cầu tính lãi phát sinh:

Giấy vay tiền ngày 02/11/2016, ông L ghi rõ việc không tính lãi; bằng việc đã giao số tiền 70.000.000 đồng cho ông L, ông N cũng thừa nhận và chấp nhận việc cho vay không tính lãi. Đây là sự thoả thuận tự nguyện của các bên nên được ghi nhận. Tuy nhiên sau khi nhận tiền, quá thời hạn 60 ngày vay nhưng ông L không thực hiện việc trả tiền cho ông N nên ông N yêu cầu ông L phải trả cả lãi đối với số tiền gốc chậm trả với lãi suất chậm trả ông N yêu cầu là 20%/năm.

+ Đối với yêu cầu tính lãi:

Xét việc vay tiền giữa các bên được xác lập trước ngày 01/01/2017, không có thoả thuận về lãi suất. Vì vậy, đây là loại hợp đồng đang được thực hiện theo hướng

dẫn tại điểm c khoản 3 Điều 2 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Theo đó, việc ông L không trả nợ gốc cho ông N thì ông N có yêu cầu ông L phải trả lãi. Điều này phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với thời điểm bắt đầu tính lãi:

Quá trình giải quyết vụ án, khi thì ông N yêu cầu ông L phải thanh toán tiền lãi tính từ ngày vay (02/11/2016) tạm tính đến ngày khởi kiện, lúc lại yêu cầu tính lãi từ ngày ông L vi phạm nghĩa vụ (01/01/2017). Tại phiên tòa, ông N khẳng định lại yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi được tính từ ngày ông L vi phạm nghĩa vụ cho đến khi ông L thanh toán hết khoản nợ cho ông N. Việc xác định thời điểm bắt đầu tính lãi là ngày bắt đầu vi phạm của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Theo nội dung giấy vay tiền ngày 02/11/2016 thì thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày vay (02/11/2016) nên Hội đồng xét xử xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc được tính từ ngày 01/01/2017.

+ Đối với yêu cầu về lãi suất 20%/năm:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền chậm trả 70.000.000 đồng tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền 01/01/2017

Quy định về lãi suất đã được quy định rõ theo khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015:

Lãi suất đối với số tiền vay chậm trả cũng được hướng dẫn cụ thể tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: *“Hợp đồng vay tài sản không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)”

Trong vụ án này: - nợ gốc quá hạn chưa trả là 70.000.000 đồng

- lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 này = 10%/năm

- thời gian chậm trả nợ gốc: từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm xét xử (17/3/2026), thời gian chậm trả nợ gốc là 09 năm 02 tháng 16 ngày = 3362 ngày

Theo đó: tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (70.000.000 đồng) x (10%/365 ngày) x (3362 ngày) = 64.476.711 đồng.

Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với số tiền lãi 64.476.711 đồng. Số tiền Hội đồng xét xử không chấp đối với yêu cầu của nguyên đơn là 64.438.357 đồng

Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận là 134.476.711 đồng.

[3] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 274; Điều 280; Điều 357; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 củ Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông **Nguyễn Hữu N** đối với bị đơn - ông **Nguyễn Văn L** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông **Nguyễn Văn L** phải trả cho ông **Nguyễn Hữu N** số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 02/11/2016 và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/3/2026 là 64.476.711 đồng. Tổng

cộng, ông **Nguyễn Văn L** phải trả cho ông **Nguyễn Hữu N** số tiền 134.476.711 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười một đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông **Nguyễn Văn L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Hữu N** phải nộp 3.222.000 đồng (Ba triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 4.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 13822 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông **N** được nhận lại 1.578.000 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Ông **Nguyễn Văn L** phải nộp 6.724.000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, ông **Nguyễn Hữu N** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông **Nguyễn Văn L** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hiền Vinh